

Chương VI: Phân tích tài chính và kế hoạch hóa tài chính doanh nghiệp



GVHD:
Nhóm sv: Nhóm 10



Nội dung

I. Các tỷ số tài chính
chủ yếu

II. Những hạn chế
và nguyên tắc khi
phân tích tài chính

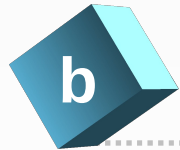
III. Kế hoạch hóa
tài chính



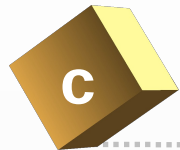
I. Các tỷ số tài chính chủ yếu



Khả năng thanh toán



Khả năng cân đối vốn hoặc cơ cấu vốn



Khả năng hoạt động



Khả năng sinh lãi

Bảng cân đối kế toán DN X

<i>Tài sản</i>	<i>N - 1</i>	<i>N</i>	<i>Nguồn vốn</i>	<i>N-1</i>	<i>N</i>
Tiền & Ck	4	3,9	Vay NH	5,1	18,2
Khoản phải thu	18,5	29,5	Khoản phải trả	10,3	20
Dự trữ	33,1	46,7	Khoản phải nộp	5,1	7,3
			Nợ ngắn hạn	20,5	45,5
			Vay dài hạn	12,2	11,9
ΣTSLĐ	55,6	80,1	Cổ phiếu thường	23,3	23,3
TSCĐ	20,1	22,9	LN không chia	15	15,6
KH TSCĐ	4,7	6,7			
TSCĐ(giá trị còn lại)	15,4	16,2			
ΣTS	71	96,3	ΣNV	71	96,3

Bảng kết quả sx kd của DN X

Chỉ tiêu	N-1	N
1. Doanh thu	184,7	195,7
2. Giá vốn hàng bán	151,8	166,8
3. Lãi gộp	32,9	28,9
Chi phí điều hành	15,3	16,9
Chi phí tiêu thụ	3,6	5,7
Chi phí thuế	1,7	2
KH TSCĐ	1,75	2,97
Lãi vay	10,55	1,33
4. LN TT	4,2	0,53
5. Thuế TNDN	6,35	0,8
6. LN ST	1,6	0,2
7. Trả lãi cổ phần	4,75	0,6
8. LN không chia	4,75	0,6

1. Các tỷ số về khả năng thanh toán

Tỷ số về k/n thanh toán: Đánh giá k/n đáp ứng các khoản nợ ngắn hạn của DN

tỷ số về khả năng thanh toán hiện hành = TSLĐ / nợ ngắn hạn

Tỷ số thanh toán hiện hành: là thước đo khả năng thanh toán ngắn hạn của DN

Hệ số này của công ty thường được so sánh với hệ số TB của ngành

VD:

Năm N-1: $55,6 / 20,5 = 2,71$

ăm N: $80,1 / 45,5 = 1,76$

TSTTHH của ngành là: 2,5

→ Tỷ số khả năng toán hiện hành của DN thấp hơn sơ với của ngành

❖ Ngoài ra: vốn chỉ tiêu ròng hay vốn lưu động thường xuyên (chênh lệch giữa TSLĐ & Nợ ngắn hạn hoặc vốn thường xuyên & vốn lưu động ròng

VD: năm N(34,6) giảm sút so với năm N-1 (35,1)

1. Các tỷ số về khả năng thanh toán

Tỷ số thanh toán nhanh: là tỷ số giữa TS quay vòng nhanh với nợ ngắn hạn

$$K/n \text{ thanh toán nhanh} = (TSLĐ - \text{dự trữ}) / \text{nợ ngắn hạn}$$

VD

$$\text{Năm N-1: } (55,6 - 33,1) / 20,5 = 1,09$$

$$\text{Năm N: } (80,1 - 46,7) / 45,5 = 0,73$$

Tỷ số trung bình của ngành là 1

→ Tỷ số thanh toán nhanh của năm N thấp hơn năm N-1 và mức Tb của ngành

Tỷ số dự trữ trên vốn lưu động ròng: dự trữ chiếm bao nhiêu % VLĐ

VD:

$$\text{Năm N-1: } 94,3\%$$

$$\text{Năm N: } 135\%$$

$$\text{Tỷ số tham chiếu: } 87\%$$

→ So với mức TB ngành tỷ số dự trữ trên VLĐR là quá cao

2. Hệ số cơ cấu tài chính

Hệ số nợ = nợ phải trả / tổng tài sản

→ y/n: biết tổng % TS của DN được tài trợ bằng các khoản nợ là bao nhiêu

- ✓ Hệ số nợ thấp không hiệu quả
- ✓ Hệ số nợ cao gánh nặng nợ lớn
- ✓ 1 hệ số nợ/ tổng TS là hợp lý phụ thuộc vào nhu cầu và k/n tự tài trợ của DN

Tỷ suất tự tài trợ = Nguồn vốn CSH / Σ TS

Tỷ suất tự tài trợ TSCĐ = Vốn CSH / Giá trị TSCĐ

3. Các tỷ số về khả năng cân đối vốn

K/n cân đối vốn
hoặc cơ cấu vốn

Hệ số nợ

k/n thanh toán
lãi vay

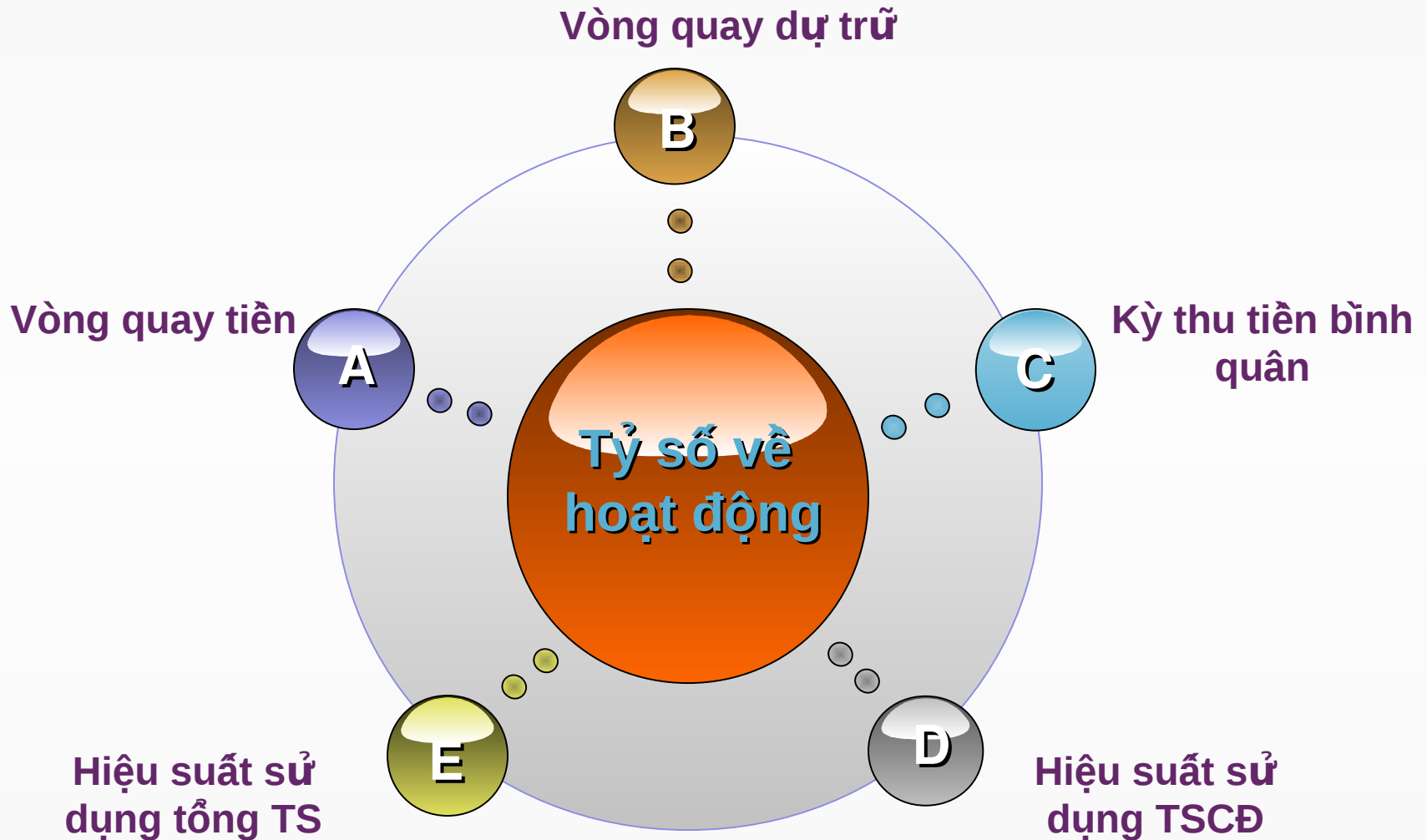
- Phản ánh mức độ ổn định và tự chủ tài chính cũng như k/n sử dụng nợ vay của DN
- Để đo lường phần vốn góp của CSH DN so với phần tài trợ của các chủ nợ DN

Xác định nghĩa vụ của chủ DN đối với các chủ nợ trong việc góp vốn

- Chủ nợ thích hệ số nợ thấp
- CSH DN thích hệ số nợ cao

$KNTTLV = \frac{LNTT}{\text{lãi vay}}$
y/n: biết mức độ LN đảm bảo k/n trả lãi hàng
N-1: $12,3 / 1,75 = 7,02$
N: $4,3 / 2,97 = 1,45$
Tỷ số TB của ngành: 7,7
k/n trả lãi vay của DN kém, sinh lời của TS thấp

4. Các tỷ số về hoạt động



5. Các tỷ số về doanh lợi

Chỉ tiêu của tỷ số về khả năng sinh lời

Doanh lợi
về tiêu thụ
sản phẩm

Doanh lợi
vốn CSH
ROE

Doanh lợi
tài sản
ROA

5. Các tỷ số về doanh lợi

✓ Doanh lợi về tiêu thụ sản phẩm

$$\text{Doanh lợi tiêu thụ} = \frac{\text{thu nhập sau thuế}}{\text{doanh thu}}$$

⇒ phản ánh LNST của DN, chỉ ra mối quan hệ DT và LN

VD:

$$\text{Năm N-1: } 6,3/184,7 = 3,44\%$$

$$\text{Năm N: } 0,8/195,7 = 0,41\%$$

Tỷ lệ TB của ngành là 2,9%

➔ Mức tiêu thụ năm N suy giảm so với năm N-1.

Năm N doanh thu tăng không đáng kể trong khi chi phí tăng nhanh chỉ tiêu doanh lợi thấp

5. Các tỷ số về doanh lợi

✓ Doanh lợi vốn chủ sở hữu (ROE)

$$\text{ROE} = \frac{\text{Thu nhập sau thuế}}{\text{Vốn chủ sở hữu}} \times 100\%$$

Vốn chủ sở hữu

⇒ Thước đo chính xác để đánh giá 1 đồng vốn bỏ ra và tích lũy được tạo ra bao nhiêu đồng lời.

⇒ Phản ánh khả năng sinh lời của vốn CSH.

ROE càng cao ⇒ DN sử dụng hiệu quả đồng vốn

VD:

$$\text{Năm N-1: } \frac{6,35}{38,3} \times 100\% = 16,6\%$$

$$\text{Năm N: } \frac{0,8}{38,9} \times 100\% = 2,05\%$$

Tỷ lệ trung bình của ngành: 17,5%

→ Doanh lợi vốn CSH năm N giảm mạnh so với năm N-1 và giảm mạnh so với mức TB của ngành

5. Các tỷ số về doanh lợi

❖ Doanh lợi tài sản (ROA)

$$ROA = \frac{\text{thu nhập trước thuế} + \text{chi phí lãi vay}}{\text{tổng tài sản}} \times 100\%$$

$$ROA = \frac{\text{thu nhập sau thuế}}{\text{tổng tài sản}} \times 100\%$$

⇒ Bình quân cứ 1 đồng TS được sử dụng thì tạo ra được bao nhiêu đồng LN

VD:
Năm N-1: $\frac{6,35}{71} \times 100\% = 8,94\%$

Năm N: $\frac{0,8}{96,3} \times 100\% = 0,83\%$

Mức trung bình của ngành 8,8%

→ Doanh lợi TS của DN năm N giảm sút nhanh so với năm N-1 và quá thấp so với mức trung bình của ngành

5. Các tỷ số về doanh lợi

Ngoài ra còn có các chỉ tiêu khác:

Tỷ lệ hoàn vốn cổ phần = thu nhập sau thuế

vốn cổ phần

Thu nhập cổ phiếu = thu nhập sau thuế

số lượng cổ phiếu thường

Tỷ lệ trả cổ tức = lãi cổ phiếu

thu nhập cổ phiếu

Tỷ lệ giá trên LN = giá cổ phiếu

thu nhập cổ phiếu

5. Các tỷ số về doanh lợi

Phân tích k/n sinh lời qua chỉ số Dupont mở rộng

⇒ phân tách đoạn bằng cách tách ROE, ROA thành các nhân tố khác nhau đánh giá tác động tương hỗ giữa các tỷ số

Tách ROE

$$\text{ROE} = \frac{\text{thu nhập sau thuế}}{\text{vốn CSH}} = \frac{\text{thu nhập sau thuế}}{\text{tài sản}} \times \frac{\text{TS}}{\text{vốn CSH}}$$
$$= \text{ROA} \times \text{EM} \quad (*)$$

ROE: phản ánh mức sinh lợi của 1 đồng vốn CSH

ROA: phản ánh mức sinh lợi cuat toàn bộ danh mục TS

EM: hệ số nhân vốn CSH, phản ánh mức độ huy động vốn

$$\text{VD: ROE}_{(N-1)}: 8,94\% \times \frac{71}{38,3} = 16,57\%$$

$$\text{ROE}_{(N)}: 0,83\% \times \frac{96,3}{38,9} = 2,05\%$$

☐ ROE năm N giảm sút nghiêm trọng nguyên nhân do ROA giảm mạnh

5. Các tỷ số về doanh lợi

❖ Tách ROA

$$\text{ROA} = \frac{\text{thu nhập sau thuế}}{\text{tài sản}} = \frac{\text{thu nhập sau thuế}}{\text{doanh thu}} \times \frac{\text{doanh thu}}{\text{tài sản}}$$
$$= \text{PM} \times \text{AU} \quad (**)$$

PM: doanh lợi tiêu thụ phản ánh tỷ trọng LNST

AU: hiệu suất sử dụng TS

Từ (*) và (**) có:

$$\text{ROE} = \text{PM} \times \text{AU} \times \text{EM}$$

Các yếu tố cơ bản tác động tới ROE: k/n tăng DT, công tác quản lý chi phí, quản lý tài sản và đòn bẩy tài chính

VD:

$$\text{ROE}_{(N-1)}: 3,44\% \times \frac{184,7}{71} \times \frac{71}{38,3} = 16,57\%$$

$$0,41\% \times \frac{195,7}{96,3} \times \frac{96,3}{38,9} = 2,05\%$$

$\text{ROE}_{(N)}:$

5. Các tỷ số về doanh lợi

Tách PM và AU

PM = thu nhập sau thuế

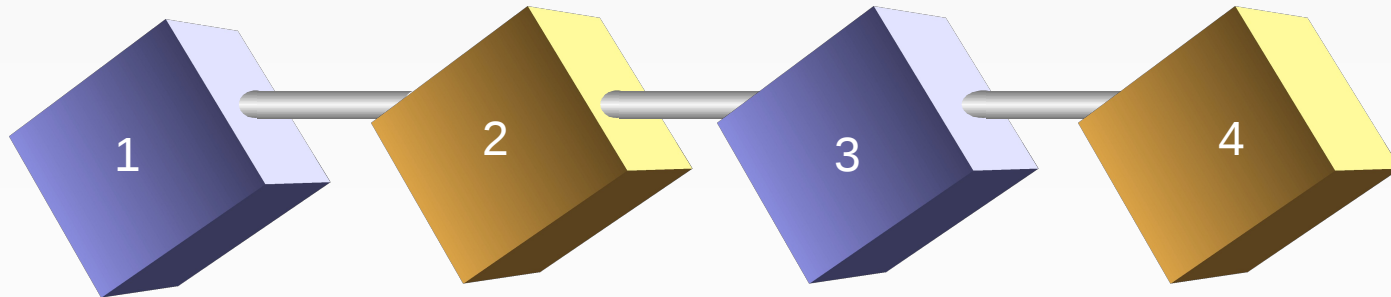
doanh thu

Thu nhập sau thuế = DT – CP – Thuế TNDN

Doanh thu: từ hoạt động kinh doanh, đầu tư, tài chính...

II. Những hạn chế và nguyên tắc khi PTTC

2.1. Những hạn chế khi phân tích tài chính



Hệ số tài chính chỉ cung cấp 1 phần thông tin cần thiết để đánh giá hoạt động và hiệu quả chung DN

Số liệu không chính xác do tính toán

So sánh hệ số tài chính của DN với ngành không phải lúc nào cũng chính xác

Số liệu phân tích có thể bị méo mó

2.2 Nguyên tắc khi phân tích tài chính DN

Kinh doanh liên tục

Trình bày trung thực

Nguyên tắc dồn tích

Lựa chọn và áp dụng chế độ kế toán

Trọng yếu và sự hợp nhất

Nguyên tắc bù trừ

Nguyên tắc nhất quán

III. Kế hoạch hóa tài chính doanh nghiệp

3.1 Tổng quan kế hoạch hóa tài chính

- ✓ Kế hoạch hóa tài chính gồm:
 - Xác định các chỉ tiêu của DN
 - Phân tích mục tiêu và thực trạng hiện tại
 - Báo cáo hoạt động của doanh nghiệp
- ✓ KHHTC là 1 quá trình gồm:
 - Phân tích các lựa chọn về tài trợ và đầu tư
 - Dự tính hiệu ứng trong tương lai của QĐ hiện tại
 - Quyết định thực hiện các phương án
 - So sánh kết quả hoạt động với mục tiêu ban đầu
- ✓ KHHTC được thiết lập theo thời gian và mức độ tập trung

3.1 Tổng quan kế hoạch hóa tài chính

- ✓ Phạm vi kế hoạch hóa tài chính: phản ánh được các thay đổi có thể xảy ra của môi trường và DN dưới các điều kiện khác nhau
- ✓ Kế hoạch hóa tài chính và các dự báo tài chính
 - Dự báo tập trung vào kết quả tương lai.
 - Kế hoạch hóa tài chính là quá trình quyết định loại rủi ro nào phải chấp nhận và rủi ro nào không cần thiết phải chấp nhận
- ✓ Với mỗi thay đổi dự tính của thị trường hay 1 quyết định đưa ra khác nhau thì hiệu ứng xảy ra khác nhau

3.2. Nội dung kế hoạch tài chính hoàn chỉnh



3.2. Nội dung kế hoạch tài chính hoàn chỉnh

a. Kế hoạch hóa nguồn vốn

- ✓ Kế hoạch nguồn vốn cần được xây dựng 1 cách logic và phù hợp với chính sách
- ✓ tính phức tạp và tầm quan trọng của kế hoạch tạo vốn khác nhau giữa các DN
- ✓ Các DN phải tạo vốn bằng cách bán các chứng khoán



b. Các yêu cầu cần thiết để KHH có hiệu quả

Dự báo

- Chính xác & nhất quán
- Không được đơn giản hóa
- Dựa vào nguồn dữ liệu và phương pháp dự báo

Xác định KHTC Tối ưu

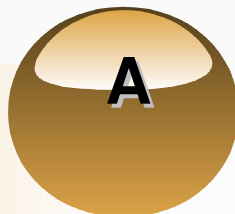
Định lý Brealey & Myers
Tiên đề: nguồn cung cấp của các vấn đề chưa giải quyết được là vô hạn
Tiêu đề: số lượng vấn đề chưa GQ chỉ giới hạn đến 10
Định lý: lĩnh vực nào cũng sẽ luôn có 10 vấn đề nhưng chưa có giải pháp

Xem xét việc thực hiện KHTC

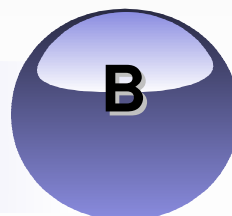
- Kế hoạch dài hạn được sử dụng như là điểm mốc cho việc đánh giá 1 chuỗi KQ hoạt động
- Đánh giá kết quả hoạt động
- Phải đặt trong môi trường kinh doanh của DN

c. Kế hoạch tài chính và quản lý 1 tập hợp các “quyền”

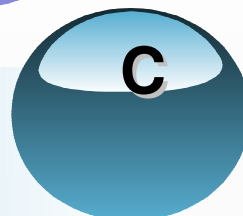
Mua các quyền thực



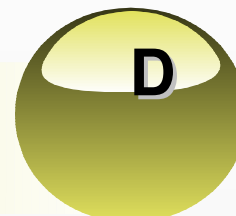
Duy trì các quyền



Thực hiện các quyền thực có giá trị đúng lúc



Thanh lý các quyền nếu duy trì chúng tốn kém



Quyền thực (mua
TS thực và điều
khoản thuận lợi)
Quyền mua các TS
thực khác

3.3. Các mô hình kế hoạch hóa tài chính

Mô hình
KHHTC

Mô hình có tính đơn giản hóa và thực tiễn, hỗ trợ quá trình KHHTC. Việc lập trình cho mô hình cần nhiều kỹ năng lập trình và thời gian máy tính giá cao

Mô hình
KHHTC

Các DN khác nhau có các mô hình KHHTC khác nhau hoặc sử dụng mô hình thích hợp

Mô hình
KHHTC

Hầu hết các mô hình KHHTC là mô hình mô phỏng. Có nhiều loại từ mức độ đơn giản phức tạp



graphicsarcade.com